

# Reetech

Chất lượng Không khí - Chất lượng Sống



Máy điều hòa âm trần  
giải nhiệt nước

RRE\_W-P1(C) SERIES



TUỖY CHỌN NÂNG CẤP



Màng lọc ion bạc



Bơm thoát nước



Điều khiển có  
đây gắn tường



Hệ thống sưởi  
phụ trợ

Hotline: 1800 1701 / 1800 1702

Website: [www.reetech.com.vn](http://www.reetech.com.vn)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / MODEL: RREW-P1(C)

| Model              |                 |         | RRE9W-P1(C)  | RRE12W-P1(C) | RRE14W-P1(C) | RRE18W-P1(C) | RRE24W-P1(C) | RRE28W-P1(C)  | RRE36W-P1(C)   | RRE42W-P1(C)   | RRE48W-P1(C)   |
|--------------------|-----------------|---------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|---------------|----------------|----------------|----------------|
| Nguồn điện         |                 | V/Hz/Ph | 220~240/50/1 |              |              | 220~240/50/1 |              |               | 220~240/50/1   |                |                |
| Làm lạnh           | Công suất       | (kW)    | 2,3/2,0/1,5  | 3,2/2,8/2,2  | 4,2/3,5/2,7  | 5,0/4,3/3,4  | 6,0/5,2/4,2  | 8,1/7,0/5,3   | 9,4/8,2/6,4    | 11,8/10,1/7,7  | 13,2/11,4/9,2  |
|                    | Lưu lượng nước  | l/h     | 404          | 550          | 722          | 864          | 1034         | 1395          | 1615           | 2028           | 2268           |
|                    | Độ sụt áp       | kPa     | 26,9         | 26,8         | 21,8         | 29,9         | 36,4         | 29,9          | 39,4           | 40             | 42             |
| Sưởi ấm            | Công suất       | kW      | 3,6/3,1/2,4  | 5,2/4,6/3,6  | 6,7/5,7/4,3  | 8,0/6,8/5,3  | 9,4/8,2/6,6  | 12,3/10,4/8,1 | 16,0/14,0/10,8 | 18,4/15,8/12,2 | 20,7/18,0/14,5 |
|                    | Lưu lượng nước  | l/h     | 404          | 550          | 722          | 864          | 1034         | 1395          | 1615           | 2028           | 2268           |
|                    | Độ sụt áp       | kPa     | 26,9         | 26,8         | 21,8         | 29,9         | 36,4         | 29,9          | 39,4           | 40             | 42             |
| Công suất điện     | AC              | W       | 36/40/45     | 47/55/60     | 55/65/78     | 75/82/95     | 94/107/116   | 128/148/165   | 150/170/200    | 188/211/245    | 225/236/280    |
| Lưu lượng gió      | H/M/L           | m³/h    | 340/255/170  | 510/383/255  | 680/510/340  | 850/638/425  | 1020/765/510 | 1360/1020/680 | 1700/1275/850  | 2040/1530/1020 | 2380/1785/1190 |
| Áp suất tĩnh (ESP) |                 | Pa      | 30           | 30           | 30           | 30           | 30           | 30            | 30             | 30             | 30             |
| Quạt               |                 | Loại    | Ly tâm       | Ly tâm       | Ly tâm       | Ly tâm       | Ly tâm       | Ly tâm        | Ly tâm         | Ly tâm         | Ly tâm         |
| Coil               |                 | Hàng    | 3            | 3            | 3            | 3            | 3            | 3             | 3              | 3              | 3              |
| Độ ồn              |                 | dB (A)  | 35/38/41     | 37/40/42     | 39/42/44     | 41/43/46     | 44/45/48     | 44/45/49      | 46/48/50       | 48/50/52       | 50/51/53       |
| Đường ống          | Cấp (Ren trong) | ømm     | DN 20        | DN 20        | DN 20        | DN 20        | DN 20        | DN 20         | DN 20          | DN 20          | DN 20          |
|                    | Hồi (Ren trong) | ømm     | DN 20        | DN 20        | DN 20        | DN 20        | DN 20        | DN 20         | DN 20          | DN 20          | DN 20          |
|                    | Nước ngưng      | ømm     | DN 20        | DN 20        | DN 20        | DN 20        | DN 20        | DN 20         | DN 20          | DN 20          | DN 20          |
| Kích thước         | (R × C × S)     | mm      | 680x230x525  | 810x230x525  | 910x230x525  | 970x230x525  | 1070x230x525 | 1450x230x525  | 1500x230x525   | 1750x230x525   | 1990x230x525   |
| Trọng lượng        |                 | Kg      | 12           | 14           | 15           | 16           | 17           | 25            | 28             | 31             | 34             |

- ! Công suất lạnh danh định dựa trên các điều kiện sau: nhiệt độ phòng 27°C DB, 19°C WB; nhiệt độ ngoài trời 35°C DB, 24°C WB, chiều dài đường ống tương đương 5m.
- ! Công suất sưởi định danh dựa trên các điều kiện sau: nhiệt độ phòng 20°C DB, nhiệt độ ngoài trời 7°C DB, 6°C WB, chiều dài đường ống tương đương 5m.
- ! Độ ồn dựa trên các điều kiện nêu trên và không xét tới các ảnh hưởng do môi trường xung quanh.
- \* Thiết kế và thông số kỹ thuật có thể được thay đổi nhằm cải tiến sản phẩm tốt hơn.



Distributed by: